

Bản án số: 17/2026/HS-ST
Ngày 12 – 01 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lực;
- Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 239/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/HSST-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Lê Xuân B, sinh năm 1954, tại tỉnh Thanh Hoá; Thường trú tại: Số A, đường số A, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân M (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); Bị cáo có vợ tên Lê Thị S sinh năm 1957, có 02 người con (lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1982). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/11/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “ Trộm cắp tài sản của người nước ngoài” theo Bản án số 428/HSST ngày 24/11/1997 (Đã nộp án phí hình sự số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu tiền thi hành án số 2025 ngày 05/3/1998; Đã bồi thường số tiền 5.845.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001027 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân B:* Ông Nguyễn T1, ông Trần Đình P và ông Nguyễn Đức T2 là Luật sư thuộc Công ty L1; Địa chỉ: Căn hộ K, Tòa nhà K, số A N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Luật sư Trần Đình P và Luật sư Nguyễn Đức T2 có mặt; Luật sư Nguyễn T1 vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Tổng Công ty Điện lực Thành phố H; Địa chỉ: Số C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1978; Địa chỉ: C trước + L2 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền ngày 26/8/2025); Ông V vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân B đăng ký sử dụng điện sinh hoạt do Công ty Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố H) cung cấp, mã khách hàng PB 04020004071 tại địa chỉ nhà: Số A, đường A, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng cuối năm 2021 (không rõ ngày, tháng) B có thuê T3 (không rõ nhân thân, lai lịch) là thợ sơn nước đến để sửa chữa và sơn lại nhà. Trong quá trình T3 sơn nhà thì B nói với T3 sửa chữa luôn hệ thống đường dây điện, thiết bị điện trong nhà. Mục đích B nói T3 làm lại hệ thống điện để các thiết bị điện trong nhà không qua hệ thống đo đếm điện năng nhằm giảm sản lượng điện sinh hoạt trong gia đình thì T3 đồng ý. T3 nói với B là T3 biết về ngành điện nên đề T3 mua dây điện, CB (cầu dao điện) để sửa chữa, thay thế đường điện, đầu nối hệ thống nguồn điện để giảm tiền điện thì B đồng ý.

Sau đó, B thấy T3 mua dây điện, mua CB, cầu giao điện 3 pha để thay thế, đầu nối. Khi làm xong T3 báo tiền công lắp đặt và mua thiết bị, linh kiện là 25.000.000 đồng, đồng thời T3 nói với B là đã làm cho mức tiêu thụ điện sinh hoạt qua công tơ điện của nhà B giảm xuống, sau đó thì B sử dụng điện phục vụ cho sinh hoạt trong gia đình của B.

Ngày 15/9/2023, Đoàn kiểm tra của Điện lực Đ tiến hành kiểm tra sử dụng điện của khách hàng Lê Xuân B. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện có lắp cầu dao đảo 3 pha và đảo cực tính tại đầu cấp muller cấp điện cho điện kế 1 pha sử dụng nguội chung để sử dụng chiếu sáng sinh hoạt cho gia đình và 06 phòng trọ. Dùng bút thử điện thì cọc 1, 2 không sáng đèn, cọc 3, 4 sáng đèn, tải thực tế 4,8 A trên điện kế hiển thị $I = 0$ (A), dẫn đến đo đếm qua đồng hồ không đủ sản lượng điện theo quy định nên đoàn kiểm tra đã lập biên bản kiểm tra sử dụng điện đối với B.

Ngày 20/9/2023, Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và Điện lực D lập biên vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, quy định tại khoản 9 Điều 12 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm

2013 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ). Điện lực Đ đã tính truy thu sản lượng điện bồi thường do vi phạm sử dụng điện đối với khách hàng Lê Xuân B là 364 ngày tính từ ngày 15/9/2022 đến 15/9/2023 sản lượng điện 22.318 kWh với số tiền tương ứng truy thu là 49.105.287 đồng, Lê Xuân B đã đóng đủ tiền truy thu trên theo quy định.

Căn cứ Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ, xét thấy: Khách hàng Lê Xuân B đã vi phạm khoản 9, Điều 12 Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực quy định về “hành vi trộm cắp điện với giá trị sản lượng điện trộm cắp từ 2.000.000 đồng trở lên thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ vi phạm đến cơ quan tiến hành Tố tụng hình sự có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố D chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành điều tra theo quy định.

Ngày 30/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Xuân B về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) để điều tra theo quy định.

Tại kết luận giám định tư pháp sản lượng điện bị chiếm đoạt trong vụ trộm cắp điện số 3328/SCT-QLNL&KTAT ngày 30/10/2024 của Sở Công thương Ủy ban nhân dân tỉnh B, kết luận như sau:

“Về đối tượng giám định: Hành vi khách hàng sử dụng điện tự ý sử dụng điện kế 1 pha và 3 pha cùng một địa chỉ nhà, tại thời điểm kiểm tra phát hiện có lắp cầu dao đảo 3 pha và đảo cực tính tại đầu cáp muller cấp điện cho điện kế 01 pha sử dụng nguội chung để sử dụng ánh sáng sinh hoạt gia đình và 06 phòng trọ. Sử dụng bút thử điện thử 4 cọc của điện kế 1 pha, thì cọc 1 và 2 không sáng đèn, cọc 3 và 4 sáng đèn, tải thực tế 4,8A, trên điện kế hiển thị $I = 0,5A$, dẫn đến đo đếm qua điện kế không đủ sản lượng điện theo quy định (khách hàng tự ý tác động vào điện kế đo đếm điện năng), mục đích sử dụng các thiết bị điện trong nhà không qua hệ thống đo đếm điện năng. Hành vi này bị cấm trong sử dụng điện được quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Điện lực năm 2004...

...Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ CI quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện;

Căn cứ biên bản thỏa thuận tính toán truy thu và phụ lục tính toán bồi thường do vi phạm sử dụng điện ngày 18/9/2023 được Điện lực Đ (bên bán điện) và bên mua điện (hộ ông Lê Xuân B) thống nhất ký tên xác nhận. Qua rà soát cách tính toán bồi thường truy thu của bên bán điện, được thực hiện dựa trên công suất của các thiết bị tiêu thụ điện được ghi trên nhãn của nhà chế tạo, số lượng thiết bị được kiểm đếm trong nhà tại thời điểm kiểm tra, thời gian sử

dụng thiết bị và thời gian bồi thường phù hợp với quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ C1;

Về thời gian vi phạm, bồi thường để tính truy thu được thực hiện từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/9/2023, được căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ sinh hoạt số: 74724120002765 ngày 02/03/2020 (Mã khách hàng: PB04020004071), có hiệu lực kể từ ngày 02/03/2020.

Như vậy, về thời gian để tính truy thu là phù hợp, không quá 365 ngày (trường hợp không xác định được thời gian thực hiện hành vi vi phạm sử dụng điện, trộm cắp điện không qua hệ thống đo đếm).

Căn cứ sơ đồ hiện trạng về hành vi vi phạm sử dụng điện, bảng liệt kê các thiết bị dùng điện (số lượng và công suất) và mốc thời gian để tính truy thu bồi thường. Qua rà soát, phụ lục tính toán bồi thường do vi phạm sử dụng điện số 007/2023/BB-KTSDĐ ngày 15/9/2023 của Điện lực Dĩ An là phù hợp với quy định hiện hành (điểm b, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ C1), sản lượng điện không qua thiết bị đo đếm điện năng (công tơ điện) là 22.318 kWh, tương ứng với tổng số tiền truy thu là 49.105.287 đồng bao gồm thuế VAT%”.

Tại Bản Cáo trạng số 46/CT-VKS-KV16 ngày 13/11/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Xuân B về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025, xử phạt bị cáo Lê Xuân B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Lê Xuân B đã nộp số tiền truy thu là 49.105.287 đồng cho Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án Tổng Công ty Điện lực Thành phố H xác định không yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Đối với đối tượng tên T3 (không rõ nhân thân, lai lịch) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

- Luật sư Trần Đình P và Luật sư Nguyễn Đức T2 - Người bào chữa của bị cáo Lê Xuân B thống nhất tranh luận:

+ Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Về nội dung: Thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Người bào chữa đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại; bị cáo là người trên 70 tuổi; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hiện bị cáo già yếu có nhiều bệnh nền, có thời gian tham gia quân đội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo và căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện Kiểm sát tranh luận đối đáp: Bị cáo là người trên 70 tuổi nên Đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc người bào chữa cho rằng hiện bị cáo già yếu có nhiều bệnh nền, có thời gian tham gia quân đội nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đồng thời, đại diện Viện Kiểm sát đã xem xét đầy đủ, toàn diện nên mới đề nghị hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo. Người bào chữa của bị cáo đề nghị xử phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trình bày: Về mặt dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên bị hại xác định không yêu cầu bồi thường gì khác. Về mặt hình sự: Đề nghị Tòa án xem xét hình phạt cho bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Xuân B không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt

người đại diện hợp pháp của bị hại Tổng Công ty Điện lực Thành phố H nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có trình bày, có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của đại diện hợp pháp của bị hại không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo Lê Xuân B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/9/2023, tại nhà số A, đường A, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Xuân B đã thực hiện hành vi lén lút sử dụng điện kế 1 pha và 3 pha, lắp cầu dao đảo 3 pha và đảo cực tính tại đầu cáp muller cấp điện cho điện kế 01 pha sử dụng nguội chung (không thông qua hệ thống đồng hồ đo đếm) dẫn đến đo đếm qua điện kế không đủ sản lượng điện theo quy định, làm giảm lượng điện tiêu thụ cho sinh hoạt là 22.318 kWh, sản lượng điện chiếm đoạt trị giá là 49.105.287 đồng của Điện lực Đ nay là Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Xuân B đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Vì vậy, Cáo trạng số 46/CT-VKS-KV16 ngày 13/11/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì tham lam tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại, nên bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng

Đối với Bản án hình sự số 428/HSST ngày 24/11/1997 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Lê Xuân B 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản của người nước ngoài”. Bị cáo đã nộp án phí hình sự số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu tiền thi hành án số 2025 ngày 05/3/1998; Đã bồi thường số tiền 5.845.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001027 ngày 13/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Công văn số 737/CTHADS-VP ngày 11/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai xác định: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai không nhận được yêu cầu thi hành án của ông Lee

Shin C – Tổng Giám đốc Công ty P1. Như vậy, đến nay thời hiệu thi hành án đối với yêu cầu bồi thường dân sự của Công ty P1 đã hết, trường hợp hết thời hiệu thi hành án là một trong những trường hợp Cơ quan thi hành án từ chối yêu cầu thi hành án. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 70 Bộ luật Hình sự, khoản 5 Điều 3, Điều 30, Điều 31 Luật thi hành án dân sự để xem xét thỏa mãn điều kiện hết thời hiệu thi hành án, nên bị cáo được đương nhiên xóa án tích.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi vụ việc được phát hiện thì bị cáo Lê Xuân B đã đóng đủ tiền truy thu là 49.105.287 đồng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người trên 70 tuổi; Trước đây bị cáo phạm tội nhưng thuộc trường hợp đã được xóa án tích nay phạm tội ít nghiêm trọng nên căn cứ hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật hình sự tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày hiện bị cáo già yếu có nhiều bệnh nền, có thời gian tham gia quân đội nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là không phù hợp với hướng dẫn tại mục 5 phần I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao và mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét thấy, bị cáo Lê Xuân B phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; Bị cáo đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được xóa án tích; Hiện nay bị cáo đã trên 70 tuổi, đang uống thuốc điều trị bệnh đái tháo đường, tăng lipid máu, suy giáp sau điều trị, tăng huyết áp...; Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ người phạm tội sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là không phù hợp tính chất mức độ hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo Lê Xuân B bị xử phạt hình phạt tù nhưng được hưởng án treo nên thuộc trường hợp được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự,

tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Xuân B nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[7] Đối với đối tượng tên T3 (không rõ nhân thân, lai lịch) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[8] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025;

- Khoản 1 Điều 125; Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân B phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân B 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người đang chấp hành thời gian thử thách thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Xuân B nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí: Bị cáo Lê Xuân B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (DA) (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam